

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2018/HCST.**

Ngày: 16 - 8 - 2018

V/v khởi kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi
thường về đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bảo và ông Nguyễn Hữu On.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Thị Ngọc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Đào Thị Thu Tuyết – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018; tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 43/2017/TLST-HC ngày 08 tháng 6 năm 2017; về việc “Khởi kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường về đất”;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐST - HC ngày 23 tháng 5 năm 2018; Thông báo mở lại phiên tòa số 145/TB-THC ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Giữa các đương sự:

***Người khởi kiện:** ông Nguyễn A, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, Tp. TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn T, xã B, Tp. TH, tỉnh Phú Yên. (*Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2018*). Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự: bà Trần T – Luật sư VPLS D thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên (*địa chỉ: L Khu phố mới H, Phường Y, Tp. TH, tỉnh Phú Yên*). Có mặt.

**Người bị kiện:*

- + Ủy ban nhân dân thành phố TH, tỉnh Phú Yên;
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tp. TH, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn L – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TH (Văn bản ủy quyền số 988/UQ-UBND ngày 05/4/2018 của Chủ tịch UBND thành phố TH). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:* ông Hà V – Trưởng phòng S, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã B , Tp. TH, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thái P – Công chức địa chính xã B . Có mặt (Giấy ủy quyền số 09/UQ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND xã B)

2. Bà Lưu Thị P, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn T, xã B , Tp. TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn T, xã B , Tp. TH, tỉnh Phú Yên. (*Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2018*). Có mặt.

- 3. Nguyễn Thị D , sinh năm 1985; Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.
- 4. Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; Có mặt
- 5. Nguyễn Thị Thanh D1, sinh năm 1991. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.
- 6. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1994. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.
- 7. Nguyễn K , sinh năm 1986. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Các anh chị D, T, D1, T1, K cùng trú tại địa chỉ: Thôn T, xã B , Tp. TH, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ông Nguyễn A và đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn K , Nguyễn Văn T thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn A là người có đất bị UBND thành phố TH, tỉnh Phú Yên thu hồi để làm công trình của Quân chủng Hải quân. Diện tích đất bị thu hồi tọa lạc tại Thôn T, xã B , Tp. TH, tỉnh Phú Yên.

Ông Nguyễn A bị thu hồi 04 thửa đất gồm thửa 340, 150, 31, 35. Theo bảng kê chi tiết và thông báo của các cơ quan gia đình ông chỉ được bồi thường, hỗ trợ đối

với các thửa 340,150,31. Riêng thửa đất số 35 có diện tích thu hồi 3947,3m², UBND thành phố TH không bồi thường cho gia đình ông.

Không đồng ý, gia đình ông khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố TH.

Ngày 14/4/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TH ra Quyết định số 1347/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông A, không công nhận toàn bộ nội dung đơn của ông.

Ông A cho rằng diện tích đất 3947,3m² thuộc thửa 35 là diện tích thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông, khai hoang từ năm 1987 đến khi Nhà nước thu hồi, liên tục quản lý, không ai tranh chấp. Ông A sử dụng đất để trồng trọt, sản xuất hoa màu. Ông A cho rằng đất được gia đình ông sử dụng trước năm 1993, theo quy định tại khoản 2 điều 101 Luật đất đai năm 2013 thì đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013 thì ông đủ điều kiện được bồi thường đất.

Do đó, ông yêu cầu:

- Hủy kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố TH tại Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn A.

- Hủy Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố TH V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Dự án: Xây dựng vị trí đóng quân Đoàn tên lửa bờ/Quân chủng hải quân tại Phú Yên.

- Hủy Quyết định số 2848/QĐ-UBND ngày 05/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố TH về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn A trúng giải tỏa Dự án: Xây dựng vị trí đóng quân Đoàn tên lửa bờ/Quân chủng hải quân tại Phú Yên.

- Buộc UBND thành phố TH bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với diện tích đất 3947,3m² (thửa 35) theo quy định pháp luật khi thu hồi để thực hiện Dự án Xây dựng vị trí đóng quân của Quân chủng Hải quân tại Phú Yên.

***Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/01/2018, ông Nguyễn A trình bày:**

- Yêu cầu bồi thường đối với thửa đất số 18, diện tích 340,0m², loại đất bằng hàng năm, có giới cận (Phía Đông giáp với đất ông D3, Phía Tây giáp đất ông T2, phía Nam giáp thửa 340 và 31, phía Bắc giáp đất ông Y.

Ông A cho rằng thửa đất này do gia đình ông khai hoang từ năm 1987 canh tác tới năm 2013, khi có dự án UBND thành phố TH không đưa vào bồi thường, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông.

- Yêu cầu UBND thành phố TH bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với một phần diện tích đất thửa 35 (có diện tích 496.28m² đất trồng cỏ và 6 cây tre chưa thu hoạch và 12 cây duối).

***Đại diện cho người bị kiện trình bày:**

Khi Nhà nước thực hiện Dự án Xây dựng vị trí đóng quân Đoàn tên lửa bờ/Quân chủng hải quân tại Phú Yên, hộ ông Nguyễn A được bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 2848/QĐ-UBND ngày 05/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố TH, với tổng số tiền 43.546.900 đồng, trong đó bồi thường về đất: 7.283.900 đồng, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại số tiền 5.389.960 đồng, bồi thường về cây trồng 27.231.090 đồng; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 3.641.950 đồng.

Không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 2848/QĐ-UBND ngày 05/5/2016, ông Nguyễn A đã viết đơn khiếu nại gửi UBND thành phố TH, nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường thửa đất số 35.

Ngày 20/5/2016, Chủ tịch UBND thành phố TH ban hành Quyết định số 3040/QĐ-UBND giao đoàn kiểm tra tiến hành xác minh cụ thể đơn khiếu nại đề ngày 08/5/2016 của ông Nguyễn A và nội dung trình bày ngày 18/5/2016 tại Ban tiếp công dân thành phố TH của ông Nguyễn K (con ông Nguyễn A), hiện trú tại Thôn T, xã B, Tp. TH.

Qua xác minh và thu thập hồ sơ, Đoàn kiểm tra đã kết luận:

Thửa số 35 diện tích 3.956,8 m² theo bản đồ trích đo, đối chiếu với bản đồ địa chính lập năm 1994 và sổ địa chính lập năm 1998 là thửa số 735 tờ bản đồ 206A, diện tích 110.500m², loại đất Núi do UBND xã B quản lý, là dải đất bao bọc nhiều thửa đất rừng sản xuất nhằm phục vụ cho việc đi lại sản xuất của nhiều hộ gia đình. Trên thửa 35 có một phần thửa đất, giáp ranh thửa đất số 340 của ông A trồng 496.28m² cỏ và 6 cây tre chưa thu hoạch và 12 cây duối đã được bồi thường, không được bồi thường về đất vì thửa đất do UBND xã B quản lý. Do đó, việc ông A đề nghị bồi thường thửa đất số 35 là không đúng.

Từ những nhận định và căn cứ trên, Chủ tịch UBND thành phố TH đã ban hành Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 về việc giải quyết đơn khiếu nại, không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Nguyễn A. Ông Nguyễn A khởi kiện yêu cầu bồi thường là không có cơ sở.

Ngày 02/4/2018, UBND thành phố TH có văn bản số 925/UBND về việc có ý kiến đối với nội dung khiếu kiện bổ sung của ông Nguyễn A, cụ thể:

Kiểm tra hồ sơ quản lý đất đai thửa đất số 18 mà ông Nguyễn A đang khiếu kiện: Theo bản đồ trích đo, đối chiếu bản đồ địa chính lập năm 1994 và sổ địa chính lập năm 1998 tại trang số 30 của UBND xã B , thành phố TH thì thửa đất số 18, diện tích 340m² ông Nguyễn A đang khiếu nại là thửa đất số 149, tờ bản đồ số 206-A, diện tích 340m², loại đất DRM/n (đất nương rẫy khác), là đất công ích do UBND xã B quản lý.

Ngày 01/01/2013, UBND xã B lập Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 149, tờ bản đồ số 206A, tại Thôn T, xã B , diện tích 340m² cho ông Đào Tải, mục đích sử dụng sản xuất nông nghiệp, thời hạn sử dụng 03 năm, nguồn gốc đất do UBND xã B quản lý, giá thuê là 10,2kg lúa quy giá tại thời điểm thu theo vụ.

Kiểm tra hồ sơ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Theo Biên bản họp về quy chủ nguồn gốc, thời điểm xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc...đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trúng giải tỏa Dự án: Xây dựng vị trí đóng quân của Quân chủng hải quân tại Phú Yên của Hội đồng đăng ký quyền sử dụng đất xã B lập ngày 28/01/2015 thì thửa số 18, diện tích 340m², diện tích trúng giải tỏa 296m², diện tích còn lại là 44m², đất vị trí 2 là đất công ích do UBND xã B quản lý.

Như vậy, qua kiểm tra hồ sơ quản lý đất đai tại xã B và hồ sơ thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Xây dựng vị trí đóng quân của Quân chủng hải quân tại Phú Yên xác định thửa đất số 18 mà ông Nguyễn A đang khởi kiện tại Tòa án là đất công ích do UBND xã B quản lý đang cho hộ ông Đào T thuê cho đến khi thực hiện Dự án. Do đó, việc ông Nguyễn A khiếu nại yêu cầu bồi thường thửa đất số 18 nêu trên là không có cơ sở.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã B , thành phố TH trình bày:**

Thửa đất số 18, diện tích 340m² thuộc Mảnh trích đo chính lý địa chính số 19-2015, căn cứ bản đồ địa chính và hồ sơ địa chính là thửa số 149, tờ bản đồ 206A, diện tích 340m², loại đất ĐRM/n (đất nương rẫy khác) là đất công ích do UBND xã quản lý. Do đó, khi Nhà nước thu hồi, có bồi thường về đất cho chủ sử dụng là UBND xã B . Thửa số 35 là đất SON (đất sông ngòi, kênh rạch, suối) cũng là thửa đất do UBND xã quản lý nên ông A yêu cầu bồi thường là không có cơ sở.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lưu Thị P, Nguyễn Văn T: thống nhất trình bày của ông Nguyễn A và Nguyễn K , Nguyễn Văn T. Yêu cầu Tòa án giải quyết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình bà.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị D , Nguyễn Thị Thanh D1, Nguyễn Văn T1: những người này là con của ông Nguyễn A và bà Lưu

Thị P. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng những người này không đến làm việc theo Giấy triệu tập của Tòa, do đó, không có lời khai tại Tòa.

Tại phiên tòa:

Các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

*Đại diện người khởi kiện, ông Nguyễn Văn T trình bày: diện tích yêu cầu bồi thường là khoảng 1000m² là một phần diện tích đất của thửa 35. Các yêu cầu khởi kiện khác giữ nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho người khởi kiện ông Nguyễn A là luật sư Trần T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1374/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Chủ tịch UBND thành phố TH. Công nhận quyền sử dụng đất có diện tích khoảng 1000m² giáp ranh thửa 31, 340 (một phần thửa 35 ghi diện tích 3.956,8 m²). Buộc UBND thành phố TH phải ra Quyết định thu hồi, bồi thường diện tích 1000m² do ông Nguyễn A khai hoang sử dụng hợp pháp. Đối với diện 304m² thửa số 18 đề nghị công nhận thuộc quyền sử dụng của ông A và lập phương án thu hồi, bồi thường.

Người bị kiện cho rằng diện tích khoảng 1000m² người khởi kiện yêu cầu thu hồi, bồi thường là thuộc thửa 35, diện tích 3.956,8 m², là đất do UBND xã B quản lý. Do đó, việc yêu cầu bồi thường là không có cơ sở.

Đại diện VKSND tỉnh Phú Yên phát biểu ký kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ các con của ông Nguyễn A và bà Lưu Thị P là các anh chị Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Thanh D, Nguyễn Văn T1 tham gia tố tụng tại Tòa với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Các anh chị D, D1, T1 không tới tòa làm việc nên không có lời khai tại Tòa. Tuy nhiên, bà Lưu Thị P và người đại diện theo ủy quyền của ông A là Nguyễn K và Nguyễn Văn T xác nhận họ đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án và đã được thông báo thời gian đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa. Vì công việc ở xa

nên họ không đến Tòa án được nhưng ý kiến của họ thống nhất với ý kiến của người khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[2] Về đối tượng khởi kiện: ông Nguyễn A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Chủ tịch UBND thành phố TH về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông; Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố TH về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Dự án: Xây dựng vị trí đóng quân đoàn Tên lửa bờ/Quân chủng hải quân tại tỉnh Phú Yên, Quyết định số 2848/QĐ-UBND ngày 05/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố TH về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn A. Yêu cầu UBND thành phố TH bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với diện tích khoảng 1000m² (có diện tích 496.28m² đất trồng cỏ và 6 cây tre chưa thu hoạch và 12 cây duối) là một phần diện tích đất thửa 35, diện tích đất 340,0m² của thửa 18 theo quy định pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 30, 32 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Trình tự ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện:

Ngày 06/11/2013, UBND tỉnh Phú Yên có Thông báo số 88/TB-UBND về việc thu hồi đất Xây dựng vị trí đóng quân Đoàn tên lửa bờ/Quân chủng Hải quân tại tỉnh Phú Yên.

Ngày 19/02/2014, Tổ kiểm tra tiến hành kiểm tra và lập Biên bản kiểm kê đất đai, nhà, công trình, mồ mả, cây cối, hoa màu trong khu vực bị thu hồi đất để thực hiện Dự án: Xây dựng vị trí đóng quân của Quân chủng Hải quân tại Phú Yên đối với chủ hộ là ông Nguyễn A (BL131).

Ngày 29/4/2016: UBND thành phố TH ban hành quyết định số 2769/QĐ-UBND v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Dự án: Xây dựng vị trí đóng quân đoàn Tên lửa bờ/Quân chủng hải quân tại tỉnh Phú Yên. (BL120, 123).

Ngày 29/4/2016, UBND thành phố TH ra Quyết định số 2746/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Nguyễn A, diện tích 560,3m² loại đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 832 tờ bản đồ địa chính số 206-A (BL128, 129).

Ngày 05/5/2016, Chủ tịch UBND thành phố TH ra Quyết định số 2848/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn A với tổng số tiền 43.546.900 đồng, trong đó bồi thường về đất: 7.283.900 đồng, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại số tiền 5.389.960 đồng, bồi thường về cây trồng 27.231.090 đồng; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 3.641.950 đồng.

Không đồng ý với việc bồi thường của UBND thành phố TH. Ngày 08/5/2016, ông Nguyễn A khiếu nại lên UBND thành phố TH thông qua Ban tiếp công dân thành phố.

Ngày 20/5/2016, UBND thành phố TH ban hành Quyết định số 3040/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 về việc xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 26/5/2016, Đoàn kiểm tra ban hành Kế hoạch xác minh.

Ngày 14/4/2017, Chủ tịch UBND thành phố TH ban hành Quyết định số 1374/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn A (lần đầu).

Như vậy, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại đảm bảo về thẩm quyền giải quyết khiếu nại, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 18, 29, 30 của Luật khiếu nại. Tuy nhiên, thời gian giải quyết khiếu nại là 11 tháng, quá thời hạn pháp luật quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại năm 2011.

[4] Về nội dung:

Thực hiện Dự án: Xây dựng vị trí đóng quân đoàn Tên lửa bờ/Quân chủng hải quân tại tỉnh Phú Yên, gia đình ông Nguyễn A bị thu hồi các thửa đất số 340, 31, 150. UBND thành phố TH thu hồi thửa đất số 340, diện tích 560.3m² có quyết định thu hồi đất, các diện tích đất ở các thửa số 150, 31 không được bồi thường vì là đất công ích của Nhà nước. Thửa số 35 không được bồi thường về đất vì UBND thành phố cho rằng đây là đất Nhà nước quản lý. Ông A không đồng ý nên khởi kiện yêu cầu bồi thường. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn A khởi kiện bổ sung đối với diện tích đất của thửa 18 mảnh trích đo số 19-2015.

Xét thấy: Ngày 29/4/2016, UBND thành phố TH ra Quyết định số 2746/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Nguyễn A, diện tích 560,3m² loại đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 832 tờ bản đồ địa chính số 206-A (BL128, 129). Tuy nhiên, trong bản đồ địa chính 206A không có số thửa 832, tại mảnh trích đo chính lý địa chính số 19-2015 chỉ có thửa 340. Tòa án đã xác minh làm rõ với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố TH tại biên bản xác minh ngày 30/7/2018 (BL304). Theo đó, thửa đất 832 là thửa đất mới hình thành sau thời điểm lập bản đồ địa chính 206A năm 1994, khi thực hiện dự án Tên lửa bờ, thuê công ty đo đạc hiện trạng để lập hồ sơ quy chủ, bồi thường. Theo đề nghị của Phòng tài nguyên và môi trường thành phố TH, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố) mới trích lục bản đồ địa chính để phục vụ việc bồi thường. Số hiệu thửa đất được đánh số thứ tự tiếp theo. Tuy nhiên, việc ông A có đất được Nhà nước công nhận, bị thu hồi và bồi thường thỏa đáng, ông A không khiếu nại gì đối với diện tích đất 560.0m² của thửa 832 nên HĐXX không xem xét.

[4.1] *Về yêu cầu bồi thường đối với thửa đất số 35:* Ông Nguyễn A yêu cầu bồi thường đối với diện tích đất khoảng 1000m² trên đất trồng cỏ 496.28m², 06 cây tre và 12 cây duối là một phần diện tích của thửa 35 số hiệu theo mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 19-2015 có tổng diện tích 3.956,8 m², loại đất SON do UBND xã B quản lý (BL135). Khi thực hiện Dự án, Nhà nước thu hồi đất diện tích 3947,3m², còn lại diện tích 9.5m².

Theo quy định tại điểm i, khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2013, Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và môi trường ngày 19/5/2014 quy định về bản đồ địa chính thì loại đất SON là đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối thuộc nhóm đất phi nông nghiệp.

Như vậy, thửa đất số 35 bao bọc nhiều thửa đất rừng sản xuất, vào mùa mưa thì có nước chảy thành suối, mùa khô cạn nước là đường đi phục vụ cho việc đi lại sản xuất của nhiều hộ gia đình tại khu vực này. Tại thời điểm thu hồi đất thì xác định loại đất SON do UBND xã B là chủ thể được Nhà nước giao để quản lý và chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất tại địa phương theo quy định tại Điều 5, Điều 7, Điều 8 Luật đất đai 2013. Khi thu hồi đất thì chủ thể bị thu hồi là UBND xã B, không bồi thường về đất là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật đất đai năm 2013. Ông Nguyễn A yêu cầu bồi thường đối với diện tích đất này là không có căn cứ.

[4.2] *Về yêu cầu bồi thường đối với thửa số 18:* Theo Kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Chi nhánh Công ty TNHH Địa chính xây dựng tài nguyên tại Phú Yên lập ngày 24/10/2014 thì thửa 18 có diện tích 340.0m², thu hồi 296.0m², diện tích còn lại 44m² (BL201) có ranh giới: phía Tây giáp thửa 337 (chủ sử dụng ông Đào Phước T, phía Đông giáp thửa 338 (chủ sử dụng UBND xã B), phía Nam giáp thửa 31 (gia đình ông Nguyễn A thuê đất 5% của UBND xã B), phía Bắc giáp ranh đất chưa thu hồi diện tích 44m².

Căn cứ hồ sơ địa chính của UBND xã B thì thửa đất số 18 tại Mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 19-2015 do Chi nhánh Công ty TNHH Đ tại Phú Yên lập tương ứng với thửa 149, tờ bản đồ 206A, diện tích 340.0m², loại đất ĐM, là đất công ích 5% do UBND xã B quản lý.

Mặt khác, trên cơ sở hồ sơ thu thập được từ Trung tâm phát triển quỹ đất và UBND xã B thể hiện: Thửa đất số 18, diện tích 340m² của Mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 19-2015 do Chi nhánh Công ty TNHH Đ tại Phú Yên lập tháng 4/2015, UBND xã B công nhận đo vẽ đúng hiện trạng ngày 09/6/2015 tương ứng với thửa đất 149, diện tích 340m² tờ bản đồ 206A lập năm 1994, là đất công ích do UBND xã B quản lý. Trên Hợp đồng thuê đất năm 2013 của UBND xã B thể hiện người thuê đất là ông Đào T, tại danh sách hộ gia đình, cá nhân có Hợp đồng thuê

đất công ích do UBND xã B quản lý nằm trong Dự án thể hiện ông Đào T là người thuê diện tích đất 340m² của thửa 149 nêu trên (BL253).

Tại Biên bản làm việc ngày 30/7/2018, ông Đào T và ông Đào Phước T là con ruột của ông Đào T là người trực tiếp sản xuất các thửa đất thuê của xã B cũng xác nhận việc ông Đào T thuê 04 thửa đất trong đó có thửa 149, diện tích 340m² (BL300).

Như vậy, trên cơ sở hồ sơ địa chính và xác minh của người sử dụng đất ông Đào T, con ông Đào T là Đào Phước T xác định diện tích đất 340m² của thửa 18 của Mảnh trích đo chính lý địa chính số 19-2015 tương ứng với diện tích 340m² của thửa đất số 149 tờ bản đồ 206A lập năm 1994 là đất công ích do UBND xã B quản lý cho ông Đào T thuê. Do đó, việc ông A khởi kiện yêu cầu bồi thường là không có cơ sở.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Nguyễn A phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông Nguyễn A phải chịu 500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông A đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 30, 32; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 347, Điều 348, 358 Luật tổ tụng hành chính; Điều 5, Điều 7, Điều 8, điểm i, khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 82 Luật đất đai năm 2013; Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và môi trường ngày 19/5/2014; Điều 31, 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn A đối với yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Chủ tịch UBND thành phố TH về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn A; Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố TH về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Dự án: Xây dựng vị trí đóng quân đoàn Tên lửa bờ/Quân chủng hải quân tại tỉnh Phú Yên; Quyết định số 2848/QĐ-UBND ngày 05/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố TH về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn A; Yêu cầu UBND thành phố TH bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với một phần diện tích đất thửa 35 có diện tích khoảng 1.000m² (496.28m² đất trồng cỏ, 6 cây tre và 12 cây duối) và diện tích đất 340,0m² của thửa 18. Vì không có căn cứ pháp luật.

Về án phí: ông Nguyễn A phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm; được trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 00009254 ngày 10/8/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông Nguyễn A phải chịu 500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông A đã nộp đủ.

Báo cho người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTC (1);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Cục THADS tỉnh Phú Yên (1);
- Các đương sự;
- GĐKT; AV;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Minh